TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/DS-PT
Ngày: 19 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp phường hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Ông Nguyễn Quang Trung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2025/TLPT - DS ngày 24 tháng 11 năm 2026, về việc: Tranh chấp phường hụi

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐPT-DS ngày 07/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1984. (Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nam Trường, xã Trường Lâm (xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn cũ), tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1977. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối Tân Hùng, phường Hoàng Mai, (phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai cũ), tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1966 Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Trường An, xã Trường Lâm (xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn cũ), tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Đinh Thị Phượng, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trường An, xã Trường Lâm (xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn cũ), tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Nguyễn Thị Sâm, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trường An, xã Trường Lâm (xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn cũ), tỉnh Thanh Hóa.

4. Bà Lê Thị Phượng, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trường An, xã Trường Lâm (xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn cũ), tỉnh Thanh Hóa.

** Người kháng cáo:* Chị Phạm Thị X, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khối Tân Hùng, phường Hoàng Mai, (phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai cũ), tỉnh Nghệ An . Là: Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2025 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Trước đây chị và chị Phạm Thị X cùng tự nguyện chơi nhóm phường mua gồm 40 người, thỏa thuận mỗi người đóng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhóm phường thỏa thuận ai mua được trước thì người đó được nhận tiền trước, số tiền bỏ ra mua gọi là tiền lãi được chia đều cho mỗi người. Chị Phạm Thị X là chủ phường, không phải bỏ tiền ra mua nên có trách nhiệm đi thu tiền của tất cả mọi người về trả cho người được mua, nếu thu không đủ thì phải bỏ tiền cá nhân ra trả cho người mua. Chị đã đóng tiền phường tổng cộng 120.000.000 đồng và được hưởng lãi mua. Sau đó chị X thông báo do không đòi được tiền của những người đã nhận phường nên dừng phường lại. Đến ngày 11/8/2023, chị X có viết "Bản cam kết" còn nợ chị số tiền 120.000.0000 đồng. Bản cam kết do chị X trực tiếp viết và ký tên vào. Chị X hứa hàng tháng sẽ thanh toán cho chị đến ngày 11/8/2024 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền phường trên. Tuy nhiên sau đó chị có gặp chị X để đòi nhiều lần thì chị X có trả cho chị 15.000.000 đồng sau đó không trả nữa, chị đến đòi thì chị X còn thách thức chửi bới. Nay chị yêu cầu chị X phải trả số tiền phường còn nợ là 105.000.000 đồng, chị không yêu cầu tiền lãi suất.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Phạm Thị X, chị X cũng đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu trả tiền phường của chị Trần Thị M. Sau khi xét xử sơ thẩm chị Phạm Thị X làm đơn kháng cáo. Trước khi xét xử phúc thẩm chị X có xin xét xử vắng mặt và có ý kiến cho rằng các bên cùng thống nhất đi phường, chị X không phải là chủ phường và không có trách nhiệm gì việc chị viết giấy cam kết là do bị ép buộc, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị Hoa, bà Đinh Thị Phượng, bà Lê Thị Phượng và bà Nguyễn Thị Sâm đều thống nhất trình bày:

Các bà có tham gia nhóm phường 40 người với chị Trần Thị M và chị Phạm Thị X. Nhóm phường thỏa thuận mỗi người đóng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhóm phường thỏa thuận ai mua được trước thì người đó được nhận tiền trước, số tiền bỏ ra mua gọi là tiền lãi được chia đều cho mỗi người. Chị X là chủ phường, không phải bỏ tiền ra mua nên có trách nhiệm đi thu tiền của tất cả mọi người về trả cho người được mua, nếu thu không đủ thì phải bỏ tiền cá nhân ra trả cho người mua. Chị X đóng đến người thứ 3 thì đã nhận được tiền phường tổng cộng 80.000.000 đồng. Lúc đóng được 30 người thì nhóm phường không tiếp tục nữa. Lý do nhóm phường không tiếp tục do chị X thông báo dừng phường.

Trong "Bản cam kết" đề ngày 11/8/2023 là chữ viết và chữ ký của chị X, việc viết và ký tên là chị X hoàn toàn tự nguyện. Nay chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị X phải trả số tiền phường còn nợ 105.000.000 đồng đồng thì các bà không có ý kiến gì.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, điều 35, điều 39, điều 147; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 15, điều 17, điều 18, điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

- Buộc chị Phạm Thị X phải trả cho chị Trần Thị M số tiền phường còn nợ là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 10 năm 2025 bị đơn bà Phạm Thị X kháng cáo toàn bộ phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Bị đơn có đơn xin vắng tại phiên tòa phúc thẩm nhưng có đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề vnghij giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của Phạm Thị X đúng thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ

lý là đúng quy định. Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là chủ phường và đã có bản cam kết còn nợ 120.000.000 đồng là chính xác

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên án sơ thẩm như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về phường hụi thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đồng thời, cả nguyên dơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị X. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị X trả tiền nợ phường còng thiếu là 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu đồng). Theo trình bày của nguyên đơn và những người làm chứng đều trình bày trước đây có tham gia nhóm phường 40 người, thỏa thuận mỗi người đóng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhóm phường thỏa thuận ai mua được trước thì người đó được nhận tiền trước, số tiền bỏ ra mua gọi là tiền lãi được chia đều cho mỗi người. Theo khoản 3, điều 4 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "Chủ họ là người tổ chức, quản lý dây họ, thu các phần họ và giao các phần họ đó cho thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho tới khi kết thúc dây họ. Chủ họ có thể đồng thời là thành viên của dây họ." Nguyên đơn và người làm chứng trình bày bị đơn là chủ phường, không phải bỏ tiền ra mua nên có trách nhiệm đi thu tiền của tất cả mọi người về trả cho người được mua, nếu thu không đủ thì phải bỏ tiền cá nhân ra trả cho người mua. Nguyên đơn cung cấp "Bản cam kết" đề ngày 11/8/2023 do bị đơn trực tiếp viết và ký. Do đó có cơ sở khẳng định bị đơn tham gia nhóm phường với vai trò là chủ phường. Nội dung bản cam kết thể hiện chị Phạm Thị X còn nợ tiền phường của một số người trong đó có chị Trần Thị M số tiền phường còn nợ là 120.000.000đ (Một trăm hai triệu đồng). Giấy cam kết xác định thời hạn trả dần đến ngày trả cuối cùng là ngày 11/8/2024. Chị Phạm Thị X đã trả nợ được 15.000.000 đồng như vậy đủ cơ sở khẳng định chị Phạm Thị X còn nợ chị Trần Thị M số tiền 105.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo chị Phạm Thị X cho rằng chi không phải là chủ phường và bản cam kết là do bị ép buộc. Tuy nhiên chị X không đưa ra được bằng chứng là bị ép buộc nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị X.

[3]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của chị Phạm Thị X không được chấp nhận nên chị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị X. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DSST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ các Điều 26, điều 35, điều 39, điều 147; điều 148; điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 15, điều 17, điều 18, điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

- Buộc chị Phạm Thị X phải trả cho chị Trần Thị M số tiền phường còn nợ là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị X phải chịu 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Trần Thị M số tiền 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004143 ngày 11/7/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001901 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Nghệ An.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND khu vực 4;
- THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Anh

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Ngọc **Nguyễn Thị Thu Từ** **Nguyễn Thị Thanh Nga**